

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số: 22/2021/HS-ST

Ngày 30-7-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Cẩm Vân.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Quỳnh và ông Hoàng Công Sáu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa:*** Ông Phùng Văn Huấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam sách, tỉnh Hải Dương, xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 24/2021/HS-ST ngày 12/7/2021 đối với bị cáo:

Phạm Thị B, sinh năm 1975;

ĐKKHKT và chỗ ở: K 6, phường CT, thành phố HD, tỉnh HD.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đăng B và bà Phạm Thị H (đã chết); chồng: Đinh Trọng H; sinh năm: 1967; bị cáo có 03 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện bị cáo đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện NS – Có mặt tại phiên tòa.

* ***Bị hại:*** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1935;

Địa chỉ: Thôn UH, xã MT, huyện NS, tỉnh HD.

Có mặt tại phiên tòa.

* ***Người làm chứng:***

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1946;

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973;

Đều có địa chỉ: Thôn UH, xã MT, huyện NS, tỉnh HD.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 20/4/2021, Phạm Thị B sang nhà ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1946 ở thôn UH, xã MT, huyện NS, tỉnh HD để vay 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Do không vay được tiền, nên khoảng 15 giờ 30 phút, B đi về và sang nhà ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1935 ở cùng thôn với ông D để tiếp tục vay tiền. Khi đến cổng nhà ông Đ, thấy không có người và do trước đó biết được ông Đ cất tiền ở tủ trong nhà nên B nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. B chèo tường, kéo bung cửa đi vào trong nhà cạy tủ lên lút chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Đ số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) sau đó đi về nhà. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, ông Đ về nhà phát hiện bị kẻ gian trộm cắp tài sản và đến ngày 25/4/2021 có đơn trình báo gửi Cơ quan điều tra Công an huyện NS. Căn cứ lời khai bị hại, Cơ quan điều tra triệu tập lấy lời khai Phạm Thị B thừa nhận hành vi phạm tội.

Bản cáo trạng số 25/CT-VKS-NS ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện NS truy tố bị cáo: Phạm Thị B về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo B thừa nhận quá trình phạm tội của bị cáo đúng như nội dung Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện NS và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại là ông Đ có mặt tại phiên tòa trình bày ông và bị cáo có quan hệ họ hàng. Ông biết bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên mới làm liều. Sau khi lấy tiền của ông đã đem trả đầy đủ nên ông không đề nghị giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Ông tha thiết mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo và đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị B phạm tội Trộm cắp tài sản; Xử phạt bị cáo Phạm Thị B từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng. Hình phạt bổ

sung: Không áp dụng; Trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người làm chứng The có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng Đản vắng mặt nhưng họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, HĐXX căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện NS, tỉnh HD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện NS, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 20/4/2021 Phạm Thị B đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 4.000.000đồng của ông Nguyễn Văn Đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Phạm Thị B phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của cá nhân, gây mất trật tự và ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác. Việc truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện NS, tỉnh HD đối với bị cáo B là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nên không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan Điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tự khắc phục hậu quả, bồi thường cho người bị hại. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bản thân bị hại tại phiên

tòa đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung theo quy định tại Điều 65 BLHS.

[7] Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 173 BLHS bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[8] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị B 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 30/7/2021.

Giao bị cáo Phạm Thị B cho Ủy ban nhân dân phường CT, thành phố HD, tỉnh HD giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Thị B phải

chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện NS;
- VKSND tỉnh HD;
- Cơ quan điều tra Công an huyện NS;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện NS;
- Sở Tư pháp tỉnh HD;
- Chi cục THADS huyện NS;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện theo pháp luật của bị hại;
- Lưu hồ sơ;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**